

Số: /NQ-HĐND

Vĩnh Châu, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025  
và bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ nguồn tăng thu tiền  
sử dụng đất năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Hội  
đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung  
hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn vốn kết dư ngân sách;*

*Qua xem xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Ủy  
ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung  
hạn giai đoạn 2021 - 2025 và bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ  
nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -  
Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 -  
2025 và bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ nguồn tăng thu tiền sử  
dụng đất năm 2022, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 - 2025  
từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022 là 4.534 triệu đồng.

2. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ nguồn tăng thu tiền sử  
dụng đất năm 2022 là 5.087 triệu đồng.

3. Danh mục dự án bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn  
năm 2021 - 2025 và bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 từ nguồn tăng  
thu tiền sử dụng đất năm 2022.

(Đính kèm theo phụ lục chi tiết)

**Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu triển khai thực hiện Nghị Quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân, thị xã Vĩnh Châu theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, kỳ họp lần thứ 8 thông qua./.

***Nơi nhận:***

- TT.HĐND-UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở KH và ĐT, Sở Xây dựng, Sở Tài chính;
- TT. Thị ủy - UBND - UBMTTQ thị xã;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan (Đảng - CQ - ĐT);
- TT. HĐND - UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

**CHỦ TỊCH****Trà Khol**

**Phụ lục**  
**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**  
**NGUỒN TĂNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị/Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Năng lực thiết kế	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch bố trí vốn đến nay	Bổ sung Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
				Tổng số	Vốn kết dư ngân sách	Tổng số	Vốn kết dư ngân sách	Vốn kết dư ngân sách (từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	Vốn kết dư ngân sách (từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>Tổng cộng</b>	<b>43.190</b>		<b>38.462</b>	<b>6.962</b>	<b>4.534</b>	<b>4.534</b>	<b>3.965</b>	<b>5.087</b>	
1	Nhà Văn hóa Phường 1	3.115	120 chỗ	3.115	3.115	-		1.365	1.359	
2	Nâng cấp Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Đường 30/4 đến Đường Phan Thanh Giản)	3.847	Dài 258,1 m, rộng 12,5 m	3.847	3.847	-		2.600	906	
3	Trung tâm Văn hóa thị xã Vĩnh Châu	33.120	500 chỗ	31.500		1.426	1.426		874	
4	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.108				3.108	3.108	-	1.948	
4.1	Đất ở (57 hộ)	228	40m <sup>2</sup> trở lên			228	228		228	Đổi ứng vốn Chương trình MTQG PT KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số
4.2	Nhà ở (720 hộ)	2.880	TKM			2.880	2.880		1.720	